

Số: **25** /2022/NQ-HĐND

Long An, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X – KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;
Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
Xét Tờ trình số 3650/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 1093/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm

non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên; trẻ em, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này (đính kèm).

b) Mức thu

- Cơ sở giáo dục chưa tự đảm bảo chi thường xuyên: Mức thu theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này (đính kèm).

- Cơ sở giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên: Mức thu bằng 2 lần mức thu quy định tại điểm a khoản này.

3. Cơ chế quản lý thu, chi

a) Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu vừa đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; công khai, dân chủ, đúng mục đích.

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

c) Cơ sở giáo dục công lập sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và tổng hợp vào báo cáo tài chính hàng năm của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

d) Cơ sở giáo dục công lập thực hiện quản lý các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo chế độ kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định pháp luật.

4. Đối tượng được miễn, giảm

a) Miễn thu các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: con liệt sĩ; có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc

diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cả cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

b) Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc diện cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hàng năm với các cơ quan có liên quan theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 8 (kỳ họp lệ cuối năm 2022) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT (NgC). (1đ)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đước



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ
GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**

(Kèm theo Nghị quyết số **25** /2022/NQ-HĐND ngày **10** tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)

TT	Nội dung
A	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CÓ QUY ĐỊNH MỨC THU CỤ THỂ
I	MẦM NON
1	Hoạt động bán trú tại trường
a	Dịch vụ bán trú
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (trông giữ trẻ mầm non ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật)
II	TIỂU HỌC
	Hoạt động bán trú tại trường
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ
1	Hoạt động bán trú tại trường
2	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường
3	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày
IV	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
1	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường
2	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày và dịch vụ học buổi thứ 2 lớp chất lượng cao
B	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO KHÔNG QUY ĐỊNH MỨC THU CỤ THỂ
I	Tiền ăn (ăn sáng, ăn trưa); đồ dùng cho học sinh bán trú; dịch vụ nội trú học sinh trường trung học phổ thông chuyên; dịch vụ đồ dùng học tập; dịch vụ đồng phục: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh phù hợp với thực tế địa phương.
II	Dịch vụ mua, lắp đặt, sử dụng điện của máy điều hòa: theo tế sử dụng và chi phí mua, lắp đặt máy điều hòa, đồng hồ điện.

TT	Nội dung
III	Dịch vụ tổ chức dạy học tự chọn môn Tiếng Anh lớp 1, lớp 2 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; dịch vụ liên kết tổ chức giảng dạy Chương trình tăng cường Tiếng Anh; dịch vụ làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo; dịch vụ hoạt động năng khiếu, hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống; dịch vụ hoạt động trải nghiệm; dịch vụ hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ đưa đón học sinh từ nơi ở đến cơ sở giáo dục và ngược lại: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh theo hợp đồng hợp tác đào tạo, bồi dưỡng với các tổ chức, cá nhân.



Phụ lục II
MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC,
ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

(Kèm theo Nghị quyết số **25** /2022/NQ-HĐND ngày **10** tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	MẦM NON		
1	Hoạt động bán trú tại trường		
a	Dịch vụ bán trú (Chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú; phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt...; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn trưa, giữ trẻ giờ trưa)		
	- Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	312.000
	- Vùng III		296.000
	- Vùng IV		285.000
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng	Đồng/bữa sáng/học sinh	4.000
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (trông giữ trẻ mầm non ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật)	Đồng/ngày/học sinh	43.000
II	TIỂU HỌC		
	Hoạt động bán trú tại trường		
	Dịch vụ bán trú (Chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt...; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ học sinh giờ trưa)		
	- Vùng II		225.000
	- Vùng III		205.000
	- Vùng IV		190.000
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ		
1	Hoạt động bán trú tại trường		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
	Dịch vụ bán trú (Chi trả lương nhân viên nấu ăn, hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt...; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ học sinh giờ trưa)		
	- Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	195.000
	- Vùng III		176.000
	- Vùng IV		168.000
2	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường	Đồng/tiết/học sinh	5.500
3	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày	Đồng/tiết/học sinh	5.500
IV	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
1	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường	Đồng/tiết/học sinh	6.000
2	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày và dịch vụ học buổi thứ 2 lớp chất lượng cao	Đồng/tiết/học sinh	7.500

Ghi chú: Việc phân loại vùng căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động:

- Vùng II: Thành phố Tân An và các huyện: Đức Hòa, Bến Lức, Thủ Thừa, Cần Đước, Cần Giuộc.

- Vùng III: Thị xã Kiến Tường và các huyện: Đức Huệ, Châu Thành, Tân Trụ, Thạnh Hóa.

- Vùng IV: Các huyện: Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Tân Hưng.

